

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH C&H Vina số 01/CHV-GPMT ngày 14 tháng 12 năm 2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 23.12.2024/TTr-PTNMT ngày 23/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH C&H Vina, địa chỉ tại một phần thửa đất số 765, tờ bản đồ số 43, khu 5, phường Uyên Hưng, Thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà máy gia công các loại bạt nhựa công suất 1.500.000 sản phẩm/năm” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: “Nhà máy gia công các loại bạt nhựa công suất 1.500.000 sản phẩm/năm”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Một phần thửa đất số 765, Tờ bản đồ số 43, Tờ 6, khu phố 5, phường Uyên Hưng, Thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 2112542880, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 01 năm 2007, chứng nhận thay đổi lần thứ 12 ngày 12 tháng 9 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 3700778802, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 17 tháng 05 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp.



1.4. Mã số thuế: 3700778802

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, gia công các loại bạt nhựa.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Tổng diện tích của cơ sở: 16.773,6 m², trong đó diện tích đất sử dụng cho cơ sở là 7.742 m² (nhà xưởng: 7.260 m², nhà vệ sinh 67,5 m², nhà căn tin 415 m²) theo giấy chứng nhận sở hữu công trình số 90/CN-SHCT ngày 05/12/2006, còn lại là các hạng mục công trình khác như nhà văn phòng, khu chứa chất thải rắn... (Công ty TNHH C&H Vina đã được UBND tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số T00518/CN-2007 tại một phần thửa đất 765, Tờ bản đồ số 43, phường Uyên Hưng, Thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương)

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: Gia công các loại bạt nhựa công suất 1.500.000 sản phẩm/năm.

- Quy trình, công nghệ sản xuất:

Nguyên liệu (cuộn bạt nhựa) → Hàn nổi (bằng nhiệt) → Cắt theo kích thước yêu cầu → Hàn biên → Đóng khoen → Đóng gói → Thành phẩm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH C&H Vina có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; Có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; Quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày. 23.. tháng. 12.. năm 2024 đến ngày 23.. tháng. 12...năm 2034).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường Thành phố, UBND phường Uyên Hưng tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Công ty TNHH C&H Vina;
- Công Thông tin điện tử của UBNDTP;
- Lưu: VT. Đức.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hồng Nguyên

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 82./GPMT-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2024 của UBND thành phố Tân Uyên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**1. Nguồn phát sinh nước thải**

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh của công nhân
- Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh khu vực văn phòng
- Nguồn số 3: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh khu vực căn tin

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Công thoát nước dọc đường Huỳnh Văn Nghệ → Đường ĐT746 nối dài cách vị trí đầu nối khoảng 1km → Suối Cầu Ông Hựu → Sông Đồng Nai.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- 01 vị trí tại hố ga thoát nước thải trước công cơ sở trước khi đầu nối ra đường Huỳnh Văn Nghệ, Khu 5, phường Uyên Hưng, Thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (Công ty đã được UBND thành phố Tân Uyên cho phép đầu nối nước thải sinh hoạt sau xử lý ra đường Huỳnh Văn Nghệ theo Văn bản số 112/UBND-KTTH ngày 20/4/2023).

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°): X = 1224802; Y = 615126.

- Điểm xả nước thải sau xử lý được bố trí hồ (có lưới bảo vệ an toàn), có biển báo “Điểm thoát nước thải của Công ty TNHH C&H Vian” thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

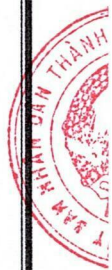
2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 30 m³/ngày đêm.**2.3.1. Phương thức xả nước thải:**

- Nước thải sau xử lý → Hố ga thoát nước thải phía trước Công ty → Công thoát nước dọc đường Huỳnh Văn Nghệ → Đường ĐT746 nối dài cách vị trí đầu nối khoảng 1km → Suối Cầu Ông Hựu → Sông Đồng Nai.

- Phương thức xả thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi



trường đối với nước thải (QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, $k_q=0,9$, $k_f=1,2$ – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, $k_q=0,9$, $k_f=1,2$)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	pH	-	6 – 9	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	SS	mg/l	54		
3	COD	mg/l	81		
4	BOD ₅	mg/l	32,4		
5	Tổng nitơ	mg/l	21,6		
6	Tổng photpho	mg/l	4,32		
7	Amoni	mg/l	5,4		
8	Coliform	MPN/100ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Hồ ga thoát nước thải cuối tuyến của cơ sở trước khi đầu nối vào hệ thống công thoát nước đường Huỳnh Văn Nghệ được bố trí có nắp đậy, được đặt bên ngoài Công ty và có gắn biển báo “Điểm thoát nước thải của Công ty TNHH C&H Vina”.

- Nguồn số 1-3: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực văn phòng được thu gom về 01 bể tự hoại có dung tích 7,68 m³; Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực cạnh căn tin được thu gom về 01 bể tự hoại có dung tích 7,68 m³; Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu xưởng sản xuất được thu gom về 01 bể tự hoại, dung tích 45,6 m³. Nước thải sinh hoạt từ 03 nguồn sau khi thu gom xử lý sơ bộ qua bể tự hoại được đưa về hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 30 m³/ngày.đêm bằng đường ống PVC đường kính 60mm. Nước thải được xử lý đạt quy chuẩn theo quy định QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, $k_q = 0,9$, $k_f = 1,2$ tự chảy ra hệ thống thoát nước thải phía trước cổng cơ sở,

sau đó đầu nổi ra hệ thống công thoát nước dọc đường Huỳnh Văn Nghệ → Đường ĐT746 nổi dài cách vị trí đầu nổi khoảng 1 km → Suối Cầu Ông Hựu → sông Đồng Nai).

Đối với nước thải sản xuất: Không phát sinh.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng 1 → Bể sinh học hiếu khí 2 → Bể lắng 2 → Bể trung gian → Hồ ga thoát nước thải phía trước Công ty → Công thoát nước dọc đường Huỳnh Văn Nghệ → Đường ĐT746 nổi dài cách vị trí đầu nổi khoảng 1km → Suối Cầu Ông Hựu → Sông Đồng Nai.

- Công suất thiết kế: 30 m³/ngày.đêm

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc trường hợp phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố: Không có

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Bố trí cán bộ được đào tạo, chuyên giao kỹ thuật vận hành công trình xử lý nước thải, ứng phó sự cố để vận hành, theo dõi, giám sát liên tục quá trình vận hành và có nhật ký vận hành công trình xử lý nước thải ghi nhận các thông tin về lưu lượng nước thải, lượng điện tiêu thụ, hóa chất sử dụng, lượng bùn thải để kịp thời nhận biết các sự cố quá tải về lưu lượng.

- Vận hành công trình xử lý nước thải theo đúng quy trình; thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng các máy móc thiết bị trong công trình xử lý nước thải theo đúng hướng dẫn vận hành của nhà cung cấp nhằm đảm bảo các thiết bị, máy móc hoạt động ổn định.

- Các máy móc, thiết bị quan trọng được trang bị 01 bộ dự phòng cho hệ thống xử lý như máy bơm, bơm định lượng... để không làm gián đoạn quá trình xử lý khi một thiết bị hư hỏng.

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn. Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của công trình xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với công trình xử lý nước thải.

- Đối với sự cố hỏng về điện hoặc do thiết bị, máy móc của công trình xử lý bị hư: Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong công trình xử lý thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật nhà cung cấp; lập hồ sơ giám sát kỹ thuật

các hạng mục công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của công trình xử lý, đồng thời tạo cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất, nhằm sửa chữa kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố, tránh ảnh hưởng đến việc vận hành của công trình xử lý.

- Đối với sự cố do thao tác vận hành xử lý không đúng cách: Điều chỉnh nhu cầu dinh dưỡng, hóa chất do thao tác vận hành xử lý không đúng cách hoặc quá tải trong việc tiếp nhận nước thải; đảm bảo vận hành công trình theo đúng quy trình đã được hướng dẫn; lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước thải sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của công trình xử lý.

- Trong trường hợp sự cố hệ thống, bị hư hỏng ở bất kì một công đoạn nào thì phải ngưng không cho xả thải nhằm không để lượng nước thải chưa được xử lý thải ra môi trường, đồng thời tiến hành khắc phục sửa chữa hệ thống.

- Đảm bảo kinh phí để thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường đã nêu trong báo cáo giấy phép môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: bắt đầu vận hành thử nghiệm sau 30 ngày kể từ ngày được cấp giấy phép môi trường. Thời gian vận hành đảm bảo không quá 06 tháng.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Nước thải đầu vào: Tại bể thu gom nước thải của công trình xử lý nước thải công suất 30 m³/ngày.đêm.

- Nước thải đầu ra (sau xử lý): Nước thải đầu ra sau công trình xử lý nước thải công suất 450 m³/ngày tại hố ga thoát nước thải phía trước Công ty trước khi đầu nổi ra công thoát nước đường Huỳnh Văn Nghệ.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung tại mục 2.3.3 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Thời gian lấy mẫu: 03 ngày liên tiếp sau giai đoạn vận hành ổn định.

- Loại mẫu và vị trí lấy mẫu nước thải: Mẫu đơn (01 mẫu đầu vào, 03 mẫu đầu ra) của hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 30 m³/ngày.đêm.

- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa, nước thải phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường. Đầu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.5. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom toàn bộ nước thải trong khu nhà xưởng về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung Công ty để tiếp tục xử lý trước khi xả ra môi trường.

3.6. Chịu trách nhiệm pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả thải để thực hiện các biện pháp khắc phục, không được xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

3.7. Thực hiện đúng quy định tại điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ.





Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 8.../GPMT-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2024 của UBND thành phố Tân Uyên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do không phát sinh khí thải phải xử lý).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải phải xử lý khi chưa được cấp giấy phép môi trường theo quy định.



Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 82./GPMT-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2024 của UBND thành phố Tân Uyên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn phát sinh tại khu vực sản xuất - Máy đóng nút
- Nguồn số 02: Tiếng ồn phát sinh tại HTXLNT – Máy thổi khí
- Nguồn số 03: Máy phát điện dự phòng công suất 450 kVA

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: có tọa độ X(m) = 1224603; Y(m) = 615215.
- Nguồn số 02: có tọa độ X(m) = 1224621; Y(m) = 615166.
- Nguồn số 03: có tọa độ X(m) = 1224671; Y(m) = 615170.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45', múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Tách riêng khu vực văn phòng và khu vực sản xuất; Chủ dự án đảm bảo toàn bộ máy móc, thiết bị sẽ được nâng cấp đạt yêu cầu về kỹ thuật trước khi

chuyển đến và đưa vào hoạt động sản xuất do đó sẽ hạn chế được phần nào khả năng gây ồn.

- Đảm bảo độ cân bằng của máy móc, thiết bị trong quá trình lắp đặt và vận hành.

- Kiểm tra độ mòn chi tiết và thường xuyên bôi trơn máy móc hoặc thay thế các thiết bị hư hỏng.

- Kiểm tra độ cân bằng của các máy móc, thiết bị và hiệu chỉnh nếu cần thiết.

- Bảo dưỡng các máy móc, thiết bị định kỳ.

- Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung cho công nhân.

- Đối với công nhân làm việc tại các công đoạn có độ ồn cao được trang bị đầy đủ nút bịt tai, bao ốp tai chống ồn.

- Bố trí thời gian lao động thích hợp tại các khâu gây ồn, hạn chế tối đa số lượng công nhân có mặt tại nơi có độ ồn cao.

- Có kế hoạch kiểm tra thường xuyên và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với thiết bị có công suất lớn, lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 83./GPMT-UBND ngày 13. tháng 12 năm 2024 của UBND thành phố Tân Uyên).

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chứng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng		Trạng thái tồn tại	Ký hiệu
			(kg/năm)	(cái/năm)		
1	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	30	150	Rắn	NH
2	Giẻ lau dính dầu nhớt	18 02 01	50	50	Rắn	NH
3	Dầu nhớt thải	17 02 04	720	-	Lỏng	NH
4	Hộp mực in thải	08 02 04	12	24	Rắn	NH
5	Bao bì mềm (Đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	35	134	Rắn	NH
6	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	12	20	Rắn	NH
7	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	12 06 05	2.465	-	Bùn	NH
Tổng số lượng		-	3.324	378	-	-

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh :

STT	Loại chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Rác thải công nghiệp (Bạt vụn, sản phẩm lỗi,...)	968.309
2	Nút hư	185.503
3	Dây pp thải	15.001
4	Thùng Carton hư thải	172.113
5	Miếng nẹp góc	24.300
6	Túi Nilon	9.470
Tổng khối lượng		1.374.696

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh thường xuyên:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại cơ sở với khối lượng ước tính khoảng 60.372 kg/năm (tương đương 193,5 kg/ngày) chủ yếu bao gồm chất thải hữu cơ

(thực phẩm thừa, vỏ trái cây,...), chất thải vô cơ (bao gồm nylon, vỏ lon, thủy tinh,...).

1.4. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát:

Không có.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng, phuy, can có nắp đậy, dán nhãn, mã chất thải để lưu chứa từng loại chất thải nguy hại.

- Tất cả các thùng lưu chứa CTNH là loại chuyên dụng, đảm bảo không rò rỉ, các thùng đều có nắp đậy, có dán nhãn ghi tên từng loại chất thải và biển báo nguy hiểm tùy tính chất của chất thải.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích: 24,6 m².

- Kết cấu, trang bị kho chứa: Tường gạch, nền đổ bê tông chống thấm; Mặt sàn kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa tràn vào; Có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ; Thiết kế hạn chế gió vào bên trong; Cách ly các loại CTNH hoặc nhóm CTNH khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau; Xây gờ chống chảy tràn cao 20cm. Trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: thiết bị PCCC, vật liệu hấp phụ (cát khô, mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, đổ tràn; có biển cảnh báo, phòng ngừa theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: bao bì, thùng nhựa có nắp đậy.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích: 962 m²

- Kết cấu: Nền bê tông, có mái che, nền cao đảm bảo không bị ngập lụt, mặt sàn kín, không rạn nứt, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: 20 thùng nhựa 240 lít có nắp đậy.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa: Không có kho lưu chứa riêng chất thải sinh hoạt. Khu vực tập kết có kết cấu nền bê tông, trong khuôn viên công ty.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không có.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Đảm bảo an toàn trong lưu trữ và sử dụng hóa chất theo quy định của Luật hóa chất và các văn bản liên quan.

2. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP phù hợp với nội dung phòng ngừa sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022./.





Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 83/GPMT-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2024 của UBND thành phố Tân Uyên)

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

2. Hồ ga cuối tiếp nhận nước thải của cơ sở trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước khu vực được bố trí hờ (có nắp đậy) để cơ quan quản lý môi trường giám sát nước thải khi thải ra môi trường. Vị trí hồ ga được đặt tại tường rào phía Nam của Cơ sở), tại vị trí hồ ga tiếp nhận nước thải của cơ sở được xây dựng hờ, có nắp đậy để giám sát và có gắn biển báo “Điểm thoát nước thải của Công ty TNHH C&H Vina”.

3. Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

4. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

5. Luôn thực hiện các biện pháp không chế ô nhiễm và bảo vệ môi trường theo đúng quy định, đảm bảo toàn bộ chất thải phát sinh được thu gom và xử lý các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

6. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật; hợp đồng đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định.

7. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

8. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường.

9. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

10. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./p

